

Số: 19/2026/NQ-HĐND

Hung Đạo, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Hưng Đạo

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét: Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-VHXXH ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân phường ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Hưng Đạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân phường và Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định, thẩm tra, trình, thông qua, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

1. Mức chi quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường; đồng thời là mức chi để thanh toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng mức chi; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

3. Không sử dụng kinh phí quy định tại Nghị quyết này để chi cho các nội dung đã được bảo đảm từ nguồn kinh phí khác hoặc đã được thanh toán theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức khác.

Điều 3. Tổng mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Tổng mức chi đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường:

a) Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành: 30 triệu đồng/văn bản;

b) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên: 30 triệu đồng/văn bản;

c) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết: 18 triệu đồng/văn bản;

d) Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết: 09 triệu đồng/văn bản.

2. Tổng mức chi đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân phường:

a) Quyết định mới hoặc Quyết định thay thế Quyết định hiện hành: 20 triệu đồng/văn bản;

b) Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên: 20 triệu đồng/văn bản;

c) Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định: 12 triệu đồng/văn bản;

d) Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định: 06 triệu đồng/văn bản.

3. Trường hợp văn bản có phạm vi điều chỉnh hẹp, nội dung đơn giản hoặc không phát sinh đầy đủ các nhiệm vụ, hoạt động trong quy trình xây dựng văn bản thì mức chi thực hiện theo nhiệm vụ, hoạt động thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tổng mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường

1. Mức chi đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường được thực hiện theo cơ cấu sau:

- a) Xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình: 60% tổng mức chi;
- b) Thẩm tra: 30% tổng mức chi;
- c) Thông qua: 10% tổng mức chi.

2. Mức chi cụ thể:

a) Nghị quyết mới, thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên: Tổng mức chi 30 triệu đồng; trong đó xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình 18 triệu đồng; thẩm tra 9 triệu đồng; thông qua 3 triệu đồng.

b) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết: Tổng mức chi 18 triệu đồng; trong đó xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình 10,8 triệu đồng; thẩm tra 5,4 triệu đồng; thông qua 1,8 triệu đồng.

c) Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ: Tổng mức chi 9 triệu đồng; trong đó xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình 5,4 triệu đồng; thẩm tra 2,7 triệu đồng; thông qua 0,9 triệu đồng.

3. Căn cứ mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Thường trực Hội đồng nhân dân phường quy định nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi đối với các nhiệm vụ thuộc khâu thẩm tra, thông qua; Ủy ban nhân dân phường quy định nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi đối với các nhiệm vụ thuộc khâu xây dựng, soạn thảo, thẩm định và trình.

4. Đối với Nghị quyết do các Ban của Hội đồng nhân dân phường trình, nội dung chi và mức chi thực hiện trong phạm vi tổng mức chi tương ứng quy định tại Điều này.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân phường

1. Mức chi đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân phường được thực hiện theo cơ cấu:

- a) Xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình: 90% tổng mức chi;
- b) Thông qua, ban hành: 10% tổng mức chi.

2. Mức chi cụ thể:

a) Quyết định mới, thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên: Tổng mức chi 20 triệu đồng; trong đó xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình 18 triệu đồng; thông qua, ban hành 2 triệu đồng.

b) Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định: Tổng mức chi 12 triệu đồng; trong đó xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình 10,8 triệu đồng; thông qua, ban hành 1,2 triệu đồng.

c) Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định: Tổng mức chi 6 triệu đồng; trong đó xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình 5,4 triệu đồng; thông qua, ban hành 0,6 triệu đồng.

3. Căn cứ mức chi quy định tại Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quy định nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động cụ thể nhưng không vượt tổng mức chi tối đa đối với từng loại văn bản.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân phường và Ủy ban nhân dân phường được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm của phường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm hoàn thành; bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Hưng Đạo khóa II, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Tư pháp thành phố;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Ủy ban nhân dân phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- VPĐU, VP HĐND và UBND phường;
- Công TTĐT phường;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Kiệm